

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC - GIẢI PHÁP TÍCH CỰC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

○ TS. ĐINH THỊ MINH TUYẾT*

Giao dục đại học (GDĐH) Việt Nam trong những năm qua đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc đào tạo (ĐT) sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp có kiến thức hiện đại, kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc; có khả năng lao động sáng tạo, tư duy độc lập, phê phán và năng lực giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động,... Để có được những thành tựu đó, trong những năm gần đây, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) đã trở thành một khâu đột phá, là một yêu cầu tất yếu quan trọng nâng cao chất lượng GDĐH.

1. **Phương pháp (PP)** tồn tại và gắn bó với mọi mặt hoạt động của con người. Đối tượng của hoạt động đều có nội dung và hình thức vận động. Chủ thể được đánh giá là có PP khi chủ thể đó thao tác đúng với hình thức vận động của đối tượng ấy. PP là chủ thể hoạt động sử dụng hệ thống thao tác phù hợp với hình thức vận động của đối tượng. PP quyết định khả năng đi đến mục đích nhanh hay chậm, quyết định sự thành công hay không thành công. PP là cách thức, con đường giải quyết nhiệm vụ để đạt tới những mục đích nhất định. PP có 4 đặc điểm chính, đó là:

- *Tính mục đích:* Con người sử dụng PP nhằm đạt được một mục đích nhất định bằng con đường ngắn nhất, tối ưu nhất.

- *Tính cấu trúc có hệ thống:* PP là tư duy khoa học điều hành, khác với lối tư duy tự phát; PP mang tính chất cấu trúc, hệ thống.

- *PP gắn liền với nội dung:* PP bao giờ cũng gắn với một nội dung và cơ sở lí luận nhất định, có thể nói, nội dung quy định PP, PP gắn liền với đối tượng, đối tượng nào PP đó.

- *Cơ sở của PP là lí thuyết:* Lí thuyết bao giờ cũng có trước, PP hình thành sau, nhưng ngược lại, khi đã có hệ PP hoàn chỉnh, nó sẽ tác động

lại nội dung, làm cho nội dung phát triển lên những bước mới có chất lượng cao hơn.

Những đặc điểm trên thể hiện mối liên hệ có tính quy luật giữa mục đích - nội dung - PP. Trong mối quan hệ này, PP chịu sự chi phối của cả mục đích lẫn nội dung và có ảnh hưởng trở lại đến mục đích và nội dung.

Trên cơ sở PP nói chung, PPDH được xác định là PP xây dựng trên cơ sở của mục đích, nội dung dạy học (DH) và được vận dụng vào trong quá trình DH. Đây là một quá trình đặc trưng ở tính hai mặt, bao gồm hai loại hoạt động, hoạt động của thầy - DH và hoạt động của trò - học tập. Hai loại hoạt động này tồn tại và được tiến hành trong mối quan hệ biện chứng. Chính vì vậy, PPDH phải là tổng hợp những cách thức, việc làm của cả thầy và trò. Trong quá trình thực hiện những cách thức đó, thầy giữ vai trò chủ đạo và trò giữ vai trò tích cực, chủ động.

Quá trình DH là quá trình nhận thức độc đáo của người học được tiến hành dưới tác động chủ đạo của thầy. Như vậy, PPDH là tổng hợp những cách thức hoạt động của thầy và trò nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ DH, góp phần nâng cao chất lượng GD, tạo ra những lớp người lao động có tri thức và kỹ năng làm việc cho xã hội. PPDH có cấu trúc đặc biệt, gồm 5 thành phần: 1) Mục đích định trước: đó chính là mục đích hành động; 2) Chương trình điều khiển: đó là những hành động tương ứng liên tiếp; 3) Phương tiện hành động: đó là ngôn ngữ, thao tác trí tuệ, thao tác vật chất; 4) Quá trình biến đổi và bổ sung của đối tượng bị tác động; 5) Kết quả thực tế: đây là tiêu chuẩn cuối cùng và cũng chính là mục đích đạt tới.

* Học viện Hành chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Ngoài những thành phần cấu trúc như trên, PPDH còn có những đặc trưng riêng, đó là, người học vừa là đối tượng của sự giảng dạy lại vừa là chủ thể của quá trình nhận thức, vừa chịu sự tác động của PPDH nhưng đồng thời bằng PP học tập của mình tác động đến sự nhận thức của bản thân. Vì vậy, PPDH có tính khách quan và tính chủ quan.

Tính khách quan của PPDH đó là logic, nội dung môn học, đó là chương trình hành động tối ưu mà người dạy và người học phải tiếp cận, đó là quy luật nhận thức, chủ thể nhận thức. Tính chủ quan của PPDH đó là mục đích và trình độ của chủ thể hoạt động. Cùng một nội dung DH, nhưng cách dạy và cách học của thầy và trò khác nhau, chất lượng cũng rất khác nhau.

PPDH còn biểu hiện cả những dấu hiệu có tính bản chất bên trong và những biểu hiện thuộc về hình thức bên ngoài.

Những dấu hiệu có tính bản chất bên trong đó là cấu trúc logic của hoạt động nhận thức, các dạng của hoạt động nhận thức, nội dung của các môn khoa học, quá trình tổ chức hoạt động nhận thức của người học; những biểu hiện thuộc về hình thức bên ngoài, đó là những biểu hiện dễ thấy khi sử dụng PP.

Có thể nói, PPDH là một nhân tố có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống các nhân tố tham gia vào quá trình DH, đồng thời có vai trò thúc đẩy quá trình DH đạt đến mục đích với chất lượng cao.

Quá trình DH thường sử dụng một hệ thống các PPDH và được phân thành các nhóm PP: nhóm các PPDH dùng lời (thuyết trình, SGK và tài liệu tham khảo, vấn đáp...); nhóm các PPDH trực quan (quan sát, sử dụng phương tiện trực quan...); nhóm các PPDH thực tiễn (thí nghiệm, luyện tập, ôn tập, kiểm tra và đánh giá tri thức, kĩ năng, kĩ xảo...).

PPDH rất đa dạng, mỗi PP đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định, vì thế, việc lựa chọn và vận dụng kết hợp hiệu quả các PPDH nhằm phát huy cao độ tính tích cực, độc lập nhận thức của người học, đòi hỏi phải dựa vào mục đích GD, nội dung môn học, đặc điểm đối tượng, điều kiện và phương tiện DH của nhà trường.

2. PPDH ĐH ở nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp

Yêu cầu đối với SV ĐH sau khi tốt nghiệp là sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động, trên nền tảng về tri thức, kĩ năng và thái độ làm việc, trách nhiệm đối với việc thiết lập mục tiêu nghề

nghiệp và việc nghiên cứu lâu dài của bản thân. Do đó, trong quá trình DH, GV phải thiết kế các hoạt động dạy và học trong bài giảng và biết sử dụng, vận dụng PPDH một cách tối ưu để tổ chức quá trình DH và hướng dẫn, định hướng cho SV phấn đấu đạt được những mục tiêu cụ thể về tri thức, kĩ năng và thái độ thông qua chương trình học tập trong suốt khóa học.

Trong thực tế, PPDH ở bậc ĐH hiện nay vẫn nặng về truyền thụ kiến thức thông qua PP thầy giảng - trò chép. PP thuyết trình được sử dụng ngày càng phổ biến, là PPDH chủ yếu và giữ vị trí quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ ĐT SV trong các trường ĐH hiện nay ở nước ta - nơi ĐT những cử nhân, kĩ sư cho đất nước. PPDH này có một số ưu điểm sau: - Cho phép GV trình bày nội dung lí luận có hệ thống, theo đúng kế hoạch bài giảng, đảm bảo thời gian quy định; - Giúp SV nắm được tri thức một cách có hệ thống hoàn chỉnh đồng thời tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý có chủ định của SV; - Các nhiệm vụ GD, giáo dục được thực hiện một cách tuân tự qua các giờ học; - Góp phần ĐT hàng loạt SV đáp ứng yêu cầu phổ biến kiến thức chương trình ĐT ĐH. Tuy nhiên, PPDH trên cũng bộc lộ nhiều nhược điểm: - GV chủ yếu hướng sự cố gắng của mình vào việc thực hiện yêu cầu nội dung chương trình quy định, truyền đạt, giảng dạy theo các tài liệu đã có sẵn trong giáo trình, sách hướng dẫn một cách máy móc và ít quan tâm đến việc phát huy khả năng sáng tạo của SV, không liên hệ và gắn lí luận với thực tiễn phong phú sinh động, dẫn tới việc giải quyết các tình huống cụ thể nhiều khi trở thành phiến diện, xuôi chiều, các lí thuyết trở nên giáo điều; - SV phải tập trung chú ý nghe và ghi chép trong thời gian tương đối dài, chịu tác động liên tục của lời nói đơn điệu, giờ học tẻ nhạt, khô khan, gây ức chế thần kinh, SV chỉ biết thụ động tiếp thu kiến thức, không hứng thú học tập, không phát huy được tính tích cực, độc lập - tự khám phá của SV trong nhận thức và tiếp thu kiến thức; - Cả GV và SV đều phụ thuộc vào giáo trình và các tài liệu có sẵn, việc đánh giá kết quả học tập của SV phụ thuộc vào khối lượng kiến thức được tái hiện nhiều hay ít, đúng hay sai theo lời giảng của thầy hoặc theo giáo trình.

DH theo PP như vậy làm lãng phí chất xám, trí tuệ của con người; cản trở việc ĐT những con người lao động năng động, tự tin, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng thích ứng với những đổi mới diễn ra hàng ngày. Thực tế đã có những thủ

khoa giỏi nhưng không phải là những người tài trong xã hội, SV tốt nghiệp với bằng ĐH khá giỏi vẫn tỏ ra ngỡ ngàng trước công tác thực tế.

Nguyên nhân hạn chế về PPDH ĐH ở nước ta hiện nay được biểu hiện như sau:

Về người dạy - GV, nhận thức về PPDH còn phiến diện, giáo điều, chưa xây dựng được mối liên hệ logic, chặt chẽ, hợp lí giữa các bước trong cấu trúc một bài lên lớp, vận dụng một cách máy móc, dập khuôn một kiểu PPDH cho mọi bài lên lớp; đội ngũ GV ở các trường ĐH thiếu trầm trọng về số lượng, nên GV phải dạy nhiều giờ, số giờ giảng dạy của một GV ĐH ở nước ta thường cao hơn so với số giờ chuẩn theo quy định, mặt khác sự bất cập về chế độ lương, phụ cấp nghề nghiệp và phúc lợi nên nhiều GV phải tham gia dạy thêm cho nhiều trường khác, khiến họ không có thời gian để đầu tư cho nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ và không muốn đổi mới PP giảng dạy của mình; hạn chế về năng lực, trình độ, kinh nghiệm thực tiễn, kinh nghiệm nghề nghiệp, khả năng cập nhật kiến thức mới, sử dụng ngoại ngữ, số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của thực tiễn lao động sản xuất và ĐT, do đó chưa thực sự tự tin khi áp dụng và đổi mới PPDH.

Về người học - SV, một số SV do chưa thoát khỏi được PP học truyền thống đã bị gò ép vào một khuôn mẫu từ GD phổ thông nên chưa thích ứng với PP học ở ĐH, chưa chủ động đưa ra ý kiến của mình, tranh luận bảo vệ ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó được đưa ra trong giờ học; nhiều SV thiếu khả năng độc lập tư duy, sáng tạo và kĩ năng, kĩ xảo tiếp nhận tri thức, chưa có kĩ năng tóm tắt, hệ thống bài giảng của GV một cách khoa học, dẫn tới rất ngại đổi mới PP học tập, GV rất khó thể áp dụng PP mới như thảo luận, phát biểu ý kiến, tham gia xử lí tình huống; một số SV lại bắt nguồn từ sự lười suy nghĩ, lười thể hiện bản thân, không chịu tiếp nhận PP mới, không chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV, chỉ thích đọc chép.

Về nội dung chương trình, giáo trình và điều kiện phương tiện DH, chương trình quá nặng về mặt lí thuyết, nội dung kiến thức quá rộng cho nhiều lĩnh vực, giáo trình một số môn chuyên ngành còn thiếu và rất hiếm, phân bố thời gian quá ngắn và không hợp lí giữa các nhiệm vụ DH; điều kiện cơ sở vật chất hạn hẹp, dẫn tới tình trạng phải bố trí đông SV trong một lớp học; phương tiện DH thiếu, ít phòng thực hành và phòng thí nghiệm.

Đây là những nguyên nhân rất cơ bản dẫn tới hạn chế về PPDH ĐH ở nước ta hiện nay, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GDĐH. Khắc phục những hạn chế và nguyên nhân này không phải là một việc làm đơn giản, tùy tiện, mà phải được tiến hành một cách tích cực, đồng bộ thông qua quá trình vận động và phát triển biện chứng.

3. Phương hướng đổi mới PPDH ĐH

Đổi mới PPDH ĐH thực chất là tăng cường tính tích cực, tự giác, chủ động của SV trong quá trình DH, biến quá trình ĐT thành quá trình tự ĐT của SV. Đổi mới PPDH không chỉ tạo cho SV có kiến thức và kĩ năng thực hành vững chắc, mà còn góp phần làm cho SV thay đổi thái độ học tập.

Mục đích của đổi mới PPDH ĐH là tạo ra nền GDĐH có chất lượng, tạo ra những thế hệ kĩ sư, bác sĩ vừa có tri thức vừa có kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước.

Đổi mới PPDH không phải là yêu cầu quá cao, quá khó, nhưng muốn thành công và đem lại hiệu quả cao, đòi hỏi GV ĐH cần phải quán triệt ba phương hướng đổi mới PPDH cơ bản, đó là:

1) **Tích cực hoá hoạt động DH:** Tích cực hoá hoạt động của SV trong quá trình học tập thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của SV, giúp SV nắm vững tri thức với số lượng cần thiết, chất lượng cao, trên cơ sở đó hình thành và phát triển năng lực trí tuệ sáng tạo. Phương hướng này đòi hỏi GV phải biết tìm tòi các con đường tích cực thu hút học sinh nỗ lực độc lập giải quyết vấn đề, nhiệm vụ học tập chương trình DH đã quy định.

2) **Cá biệt hoá hoạt động DH:** Mỗi SV là một cá thể riêng biệt, vì vậy con đường nhận thức của họ cũng có thể rất khác nhau. Phương hướng này đòi hỏi GV phải chú ý tìm PPDH phát huy tất cả mọi năng lực, sở trường của họ và được tiến hành ở tất cả các khâu trong quá trình DH.

3) **Chương trình hoá hoạt động DH:** Là việc tổ chức sắp xếp tư liệu khoa học theo một cấu trúc phù hợp nhất với quy luật nhận thức, đáp ứng được năng lực của từng SV trong quá trình DH.

Phương hướng nâng cao chất lượng DH sẽ giúp cho GV ĐH đổi mới PP, thực hiện nhiệm vụ của mình trong quá trình DH theo hướng: - Tăng cường mối liên hệ giữa lí luận và thực tiễn đời sống xã hội; - Tăng cường vận dụng hợp lí các PPDH hiện đại, cải tổ PPDH truyền thống; - Xây dựng cấu trúc bài lên lớp, tìm PPDH phù hợp cho từng phần nội dung, từng loại bài; - Tăng cường

(Xem tiếp trang 47)

giữa các phép toán trên các phân số và các phép toán trên các phân thức đại số. Chính sự giống nhau này là công cụ cho HS xây dựng các phép toán trên các phân thức đại số. Kết quả cuối cùng là giúp HS nắm được định nghĩa về phép cộng và phép nhân các phân thức:

$$\frac{A}{B} + \frac{E}{F} = \frac{A.F + E.B}{B.F} \text{ và } \frac{A}{B} \cdot \frac{E}{F} = \frac{A.E}{B.F} \quad (1).$$

Từ cơ sở của toán học, thực chất dấu «=» ở trên chính là dấu «=» có mặt trong định nghĩa phép cộng và phép nhân sau đây:

$$c\left(\frac{A}{B}\right) + c\left(\frac{E}{F}\right) = c\left(\frac{A.F + E.B}{B.F}\right) \text{ và } c\left(\frac{A}{B}\right) \cdot c\left(\frac{E}{F}\right) = c\left(\frac{A.E}{B.F}\right).$$

Đáng chú ý là từ định nghĩa phép toán trên các phân số, chúng ta có các biểu thức nằm ở 2 vế của dấu «=» của các đẳng thức trong (1) có cùng miền xác định và giá trị của chúng bằng nhau tại mọi điểm thuộc miền xác định đó. Do đó, dấu «=» phản ánh sự bằng nhau của hai biểu thức trên miền xác định. Điều này, cho phép ta thay thế vế này bằng vế kia trong quá trình biến đổi một biểu thức, biểu thức mới thu được có miền xác định không thay đổi và giá trị của nó vẫn bằng giá trị của biểu thức đã cho.

4. Một số lưu ý trong dạy học Chương II «Phân thức đại số» - Toán 8

Khái niệm giá trị của một biểu thức đã được đưa vào từ lớp 7, khái niệm tập hợp đưa vào

ngay từ lớp 6. Do đó, trong dạy Chương II, ở cuối chương, phần «Biến đổi các biểu thức hữu tỉ, giá trị của phân thức» chúng ta có thể nói về giá trị của phân thức, tập xác định của phân thức, sự bằng nhau trên một tập hợp của 2 phân thức. Từ đó, thông qua các bài toán cụ thể, GV có thể chỉ cho HS thấy: - Việc rút gọn một phân thức có thể làm thay đổi tập xác định của chúng. Khi đó, phân thức đã cho và phân thức rút gọn chỉ bằng nhau trên tập xác định chung; - Khi thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân và chia trên các phân thức của một biểu thức, không làm thay đổi tập xác định. Biểu thức mới thu được bằng biểu thức đã cho trên miền xác định.

Những lưu ý trên sẽ giúp HS tránh được những sai lầm tương tự trong các phép biến đổi tương đương một phương trình có chứa phân thức đại số. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Kim. **Phương pháp dạy học môn Toán** (tái bản). NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
3. Dương Quốc Việt. **Cơ sở lí thuyết số và đa thức**. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.
4. Lại Đức Thịnh. **Giáo trình số học**. NXB Giáo dục, H. 1977.
5. L. I. A. Kulikov. **Đại số và lí thuyết số** (bản tiếng Nga). NXB Vux - Tsai - a Skola, 1979.

Đổi mới phương pháp...

(Tiếp theo trang 21)

và nâng cao vai trò các hoạt động độc lập của SV trước, trong và sau giờ lên lớp; - Xây dựng những câu hỏi, bài tập nhận thức, bài tập tình huống; - Kết hợp việc trình bày tài liệu của GV với kết quả nghiên cứu độc lập, sáng tạo của SV; - Phát triển sự tranh luận dựa trên những phát hiện của SV, tổng kết những phát hiện và bàn luận của SV;

Để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng GDDH, ngoài việc đổi mới nội dung, chương trình và giáo trình, vấn đề vô cùng quan trọng là phải đổi mới PPDH theo hướng năng động, sáng tạo. Đổi mới PPDH ở DH cần phải có sự hợp tác từ nhiều phía, trong đó quan trọng hơn cả chính là sự tích cực, chủ động đổi mới ở GV, SV và các nhà quản lí GDDH.

- GV, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, sử dụng thành thạo công

nghệ thông tin và truyền thông vào DH, áp dụng có hiệu quả các PPDH mới.

- SV, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lí của GV.

- Các nhà quản lí GD, quan tâm giải quyết các nguyên nhân dẫn đến việc triển khai đổi mới PPDH DH chưa thành công trong thời gian qua, đặc biệt là cơ chế tạo động lực cho GV và SV các trường DH, giúp họ có cơ sở thực hiện tốt phương hướng đổi mới PPDH, góp phần nâng cao chất lượng GDDH nước nhà. □

Tài liệu tham khảo

2. Hồ Ngọc Đại. **Tâm lí dạy học**. NXB Giáo dục, H 1983.
3. **Phương pháp dạy học đại học**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2003
4. Thái Duy Tuyên. **Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại**. NXB Giáo dục, H 1999.